

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/3/2021

V/v “*Tranh chấp hôn nhân gia đình,
ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Việt Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Thi;

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 418/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Huyền E**, sinh năm: **2001**

Cư trú: Ấp M, xã V, thành phố C, tỉnh An Giang

Bị đơn: Ông **Nguyễn Trường G**, sinh năm: **1994**

Cư trú: Ấp V, xã K, huyện A, tỉnh An Giang

(Bà E có mặt, ông G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo bà Lê Thị Huyền E trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông G là do mai mối, được hai bên

gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm tháng 2/2020, thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 18/3/2020, chung sống được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, thường xuyên tranh cãi nhau, gia đình hai bên đã hàng lần cố gắng nhưng không được nên bà ly thân với ông G từ tháng 8/2020 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, có hàn gắn quay về cũng chung sống không hạnh phúc nên bà xin ly hôn với ông G.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung và nợ chung: Bà E không yêu cầu giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông Nguyễn Trường G theo quy định nhưng ông G không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà E và ông G để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Tại biên bản xác minh ông Nguyễn Văn A – cha ruột của ông G ngày 12/01/2021 cho biết: Hôn nhân của ông G và bà E đúng như lời bà E trình bày. Do hôn nhân xuất phát từ việc mai mối nên ông bà chung sống với nhau không có tình cảm, thường xuyên tranh cãi. Đến khoảng tháng 8/2020 bà E ly thân và về nhà mẹ ruột cho đến nay, gia đình nhiều lần liên lạc hàn gắn nhưng không được. Việc bà E nộp đơn xin ly hôn ông không có ý kiến tùy pháp luật giải quyết. Ông G vẫn còn đăng ký hộ khẩu chung với ông.

Tại phiên tòa, bà E bảo lưu ý kiến. Riêng ông G đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Giang theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà E chung sống với ông G thông qua việc mai mối, đến tháng 8/2020 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông G hiện có địa chỉ cư trú tại xã K, huyện A. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Huyền E, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà E và ông G là do mai mối nhưng ông bà đồng ý tự nguyện tiến đến hôn nhân, có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K số 20 ngày 18/3/2020 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tuy ông bà kết hôn là tự nguyện, không ai ép buộc nhưng do hôn nhân xuất phát từ việc mai mối nên không tìm hiểu rõ về tính cách nên khi chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến ông bà thường xuyên tranh cãi, được hai bên gia đình hàn gắn nhưng không hòa hợp được với nhau. Bà E bỏ đi thể hiện việc không đồng ý tiếp tục chung sống, gia đình hai bên đã hàn gắn nhưng không thành. LỜI TRÌNH BÀY CỦA BÀ E PHÙ HỢP VỚI NỘI DUNG XÁC MINH CỦA TÒA ÁN ĐỐI VỚI ÔNG NGUYỄN VĂN A (cha của ông G). Xét thấy mâu thuẫn của bà E và ông G không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của bà E theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Bà E xác định không có nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung; Bà E không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà E là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Huyền E.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Huyền E được ly hôn với ông Nguyễn Trường G.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 20 ngày 18/3/2020 của Ủy ban nhân dân xã K mang tên ông Nguyễn Trường G và bà Lê Thị Huyền E không còn giá trị pháp lý.

2. Về án phí: bà Lê Thị Huyền E phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004907 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (bà E đã nộp đủ).

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/3/2021), bà E được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông G được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp
- Lưu hs

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Việt Quốc